TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 2 · Đề số 32

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 30 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Từ ba chữ số 6, 1, 7 lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau?

A. 4 **B.** 6 **C.** 9 **D.** 3

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 87, 85, 83, 81, 79, …….

A. 77 **B.** 79 **C.** 76 **D.** 78

Câu 3. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 62, số hạng thứ nhất là 29. Số hạng thứ hai là:

A. 23 **B.** 34 **C.** 91 **D.** 33

Câu 4. *(0,5 điểm)* Bình có 49 viên bi, Huy có nhiều hơn Bình 17 viên bi. Huy có số viên bi là:

A. 66 **B.** 75 **C.** 61 **D.** 32

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 50 − ……. = 16

A. 24 **B.** 36 **C.** 34 **D.** 44

Câu 6. *(0,5 điểm)* Can to đựng 12 l dầu, can bé đựng ít hơn can to 7 l. Cả hai can đựng được:

A. 5 l **B.** 17 l **C.** 31 l **D.** 19 l

Câu 7. *(0,5 điểm)* 8 dm − 29 cm = ……. cm

A. 61 **B.** 21 **C.** 51 **D.** 109

Câu 8. *(0,5 điểm)* Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

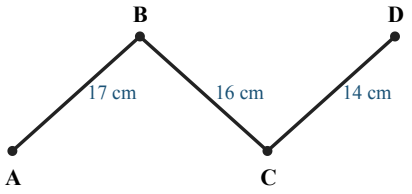

A. 47 cm **B.** 57 cm **C.** 37 cm **D.** 33 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 33, 39, 45, 51, ……, …….

b) 6, 9, 12, 15, ……, …….

Câu 10. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Số bé nhất có hai chữ số là 10	
b) 69 − 27 = 52	
c) Một ngày có 12 giờ	
d) 3 dm = 30 cm	

Câu 11. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) 14 + ……. = 43

b) 57 + ……. = 81 − 8

c) 82 − ……. = 48

d) ……. − 27 = 53

Câu 12. *(1 điểm)* Ngày 6 tháng 12 là thứ Bảy. Biết tháng 12 có 31 ngày. Viết vào chỗ chấm:

a) Ngày 15 tháng 12 là thứ …….

b) Tháng 12 năm đó có ……. ngày Chủ nhật

c) Ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày …….

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

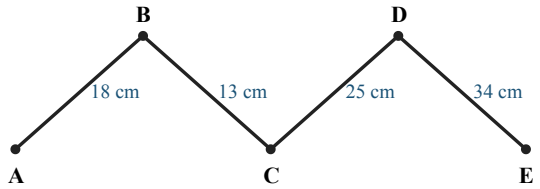

a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: ……. cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: ……. dm

Câu 14. *(1 điểm)* Lan hái được 25 bông hoa, Phúc hái được 18 bông hoa. Hỏi hai bạn hái được tất cả bao nhiêu bông hoa? Ai hái được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu bông?

a) Hai bạn hái được: ……. bông hoa

b) Bạn hái nhiều hơn là Lan, nhiều hơn: ……. bông hoa

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 2 · Đề số 32

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	D	A	C	B	C	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Thêm 6 mỗi lần: 57, 63

b) Thêm 3 mỗi lần: 18, 21

Câu 10.

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Câu 11.

a) 43 − 14 = 29

b) 81 − 8 = 73; 73 − 57 = 16

c) 82 − 48 = 34

d) 53 + 27 = 80

Câu 12.

a) Đếm thêm từ ngày 6 (thứ Bảy) đến ngày 15: thứ Hai

b) Các ngày Chủ nhật: 7, 14, 21, 28: có 4 ngày

c) Ngày 28

Câu 13.

a) 18 + 13 + 25 + 34 = 90 (cm)

b) 90 cm = 9 dm

Câu 14.

Tất cả: 25 + 18 = 43 (bông)

Lan hái nhiều hơn: 25 − 18 = 7 (bông)